

Số 03 /TB-HĐXTH

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa năm 2025 và Danh sách trúng tuyển

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 30/5/2025 của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa năm 2025 và danh sách viên chức trúng tuyển.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng đăng ký đất đai năm 2025 thông báo về kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa năm 2025 và danh sách trúng tuyển (Có danh sách kèm theo).

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa năm 2025 thông báo đến các viên chức được biết và thực hiện./. *vt*

Nơi nhận:

- Giám đốc VP (để b/c);
- Các Chi nhánh (để t/h);
- Phòng TTLT đăng tải trên Website của Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Niêm yết tại Văn phòng ĐKĐĐ;
- Lưu: VT, HĐXTH

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
CHỦ TỊCH



Đào Ngọc Đức
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG
ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THANH HÓA

**KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THANH HOÁ NĂM 2025 VÀ DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN**
(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐXTH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng
chức danh nghề nghiệp viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá năm 2025)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Mã số chức danh nghề nghiệp, lương hiện hưởng				Mã số chức danh nghề nghiệp, lương mới được bổ nhiệm				
		Nam	Nữ	Mã số CDNN	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Mã số CDNN	Bậc	Hệ số lương	Thời gian hưởng	Thời gian tính nâng lương lần sau
1.	Lê Thị Dung		02/9/1977	V.06.01.03	12	4,06 + 6%	01/02/2025	V.06.01.02	7	4,32	01/6/2025	01/6/2025
2.	Trịnh Xuân Hạnh	31/10/1982		V.06.01.03	6	3,65	01/7/2022	V.06.01.02	5	3,66	01/6/2025	01/7/2022
3.	Lê Thị Hòa		20/8/1989	V.06.06.18	3	2,26	01/4/2024	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	01/4/2024
4.	Nguyễn Duy Chinh	29/10/1991		V.06.06.18	7	3,06	01/11/2024	V.06.06.17	4	3,33	01/6/2025	01/6/2025
5.	Nguyễn Thị Nương		08/3/1992	V.06.06.18	3	2,26	01/4/2024	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	01/4/2024
6.	Nguyễn Trọng Hải	15/3/1989		V.06.06.18	7	3,06	01/10/2023	V.06.06.17	4	3,33	01/6/2025	01/6/2025
7.	Nguyễn Văn Hùng	02/7/1988		V.06.06.18	3	2,26	01/4/2024	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	01/4/2024
8.	Trịnh Thị Hồng		26/11/1993	V.06.06.18	3	2,26	01/4/2024	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	01/4/2024
9.	Lê Ngọc Sơn	11/11/1996		V.06.06.18	4	2,46	01/10/2025	V.06.06.17	2	2,67	01/6/2025	01/10/2025
10.	Trịnh Đình Bằng	03/02/1996		V.06.06.18	3	2,26	06/8/2023	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	06/8/2023



11.	Lê Đức Thắng	12/7/1992		V.06.06.18	6	2,86	01/01/2024	V.06.06.17	3	3,0	01/6/2025	01/01/2024
12.	Trần Lê Hương		23/3/1993	V.06.06.18	3	2,26	06/5/2024	V.06.06.17	1	2,34	01/6/2025	06/5/2024

(Danh sách này gồm 13 người)

